

Số: /2022/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**VỀ VIỆC QUY ĐỊNH MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP VÀ QUẢN LÝ
LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 7007/TTr-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

b) Các nội dung khác liên quan đến việc kê khai, thu, nộp lệ phí không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP

ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí, Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các văn bản khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: cá nhân thực hiện đăng ký cư trú; cơ quan đăng ký cư trú và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký cư trú.

Điều 2. Đối tượng nộp, đơn vị thu lệ phí đăng ký cư trú

1. Đối tượng nộp lệ phí đăng ký cư trú: người được cơ quan đăng ký cư trú giải quyết việc đăng ký cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

2. Đơn vị thu lệ phí đăng ký cư trú: Công an các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Các trường hợp miễn lệ phí đăng ký cư trú

1. Đăng ký cư trú cho người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đăng ký cư trú đối với trẻ em (người dưới 16 tuổi), người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo.

Điều 4. Mức thu lệ phí đăng ký cư trú

1. Mức thu lệ phí đăng ký cư trú

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
			Trực tiếp	Trực tuyến
01	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người, tách hộ	Đồng/lần đăng ký	10.000	5.000
02	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú	Đồng/lần điều chỉnh	8.000	4.000
03	Xác nhận thông tin về cư trú	Đồng/lần xác nhận	8.000	4.000
04	Gia hạn tạm trú cả hộ hoặc một người	Đồng/lần gia hạn	8.000	4.000

2. Trường hợp đăng ký tạm trú theo danh sách, gia hạn tạm trú theo danh sách thì lệ phí đăng ký được tính với từng cá nhân như đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú cho một người.

Điều 5. Chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký cư trú

1. Lệ phí đăng ký cư trú được thu bằng tiền Việt Nam. Đơn vị được cấp có thẩm quyền giao quản lý về cư trú có nhiệm vụ tổ chức thu lệ phí đăng ký cư trú và

sử dụng biên lai thu lệ phí theo quy định hiện hành về phát hành, quản lý và sử dụng ấn chỉ thuế.

2. Người nộp lệ phí đăng ký cư trú thực hiện kê khai, nộp lệ phí một lần khi nộp hồ sơ thực hiện các thủ tục liên quan đến quản lý cư trú.

3. Đơn vị thu lệ phí đăng ký cư trú thực hiện nộp toàn bộ tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước và thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí theo năm theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

4. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của đơn vị thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Dự toán chi phí phục vụ công tác thu lệ phí đăng ký cư trú

Hàng năm, căn cứ vào số thu, các chi phí phát sinh năm trước liền kề và ước thực hiện năm kế hoạch, đơn vị thu lệ phí lập dự toán chi cho công tác thu lệ phí đăng ký cư trú, tổng hợp vào dự toán của đơn vị, gửi cơ quan tài chính thẩm tra, trình cấp thẩm quyền phê duyệt phân bổ theo chế độ, định mức quy định.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Công an, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ngành: Công an tỉnh, Tài chính, Tư pháp;
- Văn phòng: ĐĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐT ĐBND tỉnh Bến Tre, Trung tâm TTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến